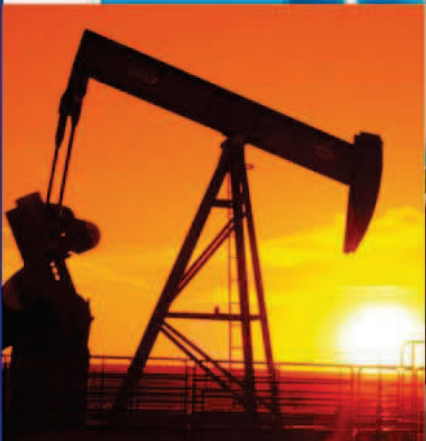




TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
I. THÔNG TIN CHUNG.....	4
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	5
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	7
6. Các rủi ro.....	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017.....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	11
4. Tình hình tài chính.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.....	14
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	17
2. Tình hình tài chính.....	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	19
4. Kế hoạch phát triển.....	20
6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.....	22
7. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty.....	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	24
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng công ty.....	24
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.....	25
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	25
V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY.....	27
1. Hội đồng quản trị.....	27
2. Ban kiểm soát.....	28
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.....	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (đính kèm).....	31

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

PLC đã trải qua một năm với nhiều khó khăn, kết quả năm 2017 chưa đạt với kỳ vọng, doanh thu đạt 5.052,8 tỷ đồng, bằng 88% kế hoạch, nhưng bằng 105% cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 215 tỷ đồng, bằng 72% KH ĐHĐCĐ giao, bằng 84% so với cùng kỳ.

Kết quả kinh doanh năm 2017 không hoàn thành được kế hoạch ĐHĐCĐ giao, thấp hơn so với năm 2016. Có nhiều lý do, nhưng trong đó, lý do lớn nhất là do nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng vẫn còn rất khó khăn, Chính phủ chưa có vốn đối ứng, nên các công trình đầu tư giao thông gần như ngừng trệ, nhu cầu nhựa đường giảm đáng kể, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh ngành hàng nhựa đường nói riêng và của PLC nói chung. Đồng thời, kéo theo đó là nhu cầu dầu mỡ nhờn cho công nghiệp và phương tiện thi công cơ giới cũng giảm theo. Trong khi đó, mặt bằng giá dầu luôn duy trì ở mức thấp, khiến cho giá bán các mặt hàng DMN, Nhựa đường không cao như kỳ vọng. Hóa chất tuy có nhiều khởi sắc nhưng hiệu quả và tỷ trọng đóng góp vào kết quả chung của toàn PLC chưa cao. Mặc dù các chỉ tiêu đạt được không cao so với các năm trước, nhưng đây là một sự cố gắng rất lớn của HĐQT và Ban điều hành. Điều này được thể hiện qua vị trí hàng đầu và mức hiệu quả cao trong các ngành hàng mà PLC tham gia kinh doanh trên thị trường.

Năm 2018, được đánh giá là kinh tế phát triển ổn định, tuy nhiên, các gói đầu tư hạ tầng giao thông không có nhiều, nhất là nhu cầu các sản phẩm nhựa đường cao cấp - là lợi thế của PLC không đáng kể, thậm chí nhiều dự án bị đình trệ, có nguy cơ chậm tiến độ do thiếu vốn. Việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Nên dự báo năm 2018 chưa có nhiều thông tin khả quan, tạo đà bật tăng cả về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với ngành hàng nhựa đường. Ngành hàng kinh doanh dầu mỡ nhờn của PLC đang bị cạnh tranh khốc liệt ở trong nước, tại thị trường các nước lân cận, dầu nhờn chưa có lợi thế để cạnh tranh chiếm thị phần. Ngành hàng hóa chất đang trên đà phát triển tốt, đặc biệt nếu tham gia được vào chuỗi giá trị của sản phẩm xăng sinh học đang được nhà nước khuyến khích sử dụng trên thị trường Việt Nam. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 236,8 tỷ đồng. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi tiếp tục thực hiện các giải pháp đã đề ra trong giai đoạn phát triển 2014-2018 là:

- Giữ vững và khai thác hiệu quả hơn nữa thị trường, khách hàng đang có, thông qua hợp tác chặt chẽ sâu rộng với từng thành viên trong Tập đoàn Petrolimex.
- Bước đầu tiến hành việc xúc tiến bán hàng ra thị trường ngoài nước, làm tiền đề cho sự phát triển, trở thành Tổng công ty mang tầm cỡ khu vực và quốc tế trong tương lai.

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất hợp lý, tạo lợi thế cạnh tranh cho ngành hàng hóa chất, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh doanh trong trung hạn.
- Giữ vững hiệu quả sử dụng vốn, giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho. Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Tiếp tục quá trình tái cấu trúc tổ chức và quản trị doanh nghiệp để PLC thực sự hoạt động theo mô hình Tổng công ty.
- Tổ chức huy động vốn trên thị trường bằng phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đảm bảo khả năng cân đối, cơ cấu sử dụng hợp lý, kiểm soát rủi ro tài chính cho các ngành hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Với những mong muốn phát triển bền vững, có sự phát triển trên cả 3 lĩnh vực, đồng thời có những bước đột phá trong những năm tiếp theo sang các lĩnh vực kinh doanh mới, thị trường mới, HĐQT được tái cơ cấu, phân công nhiệm vụ và củng cố thêm nhân lực trong năm 2018, xây dựng đội ngũ kế cận và phát huy sáng tạo trong nhiệm kỳ tới và cơ cấu lại theo đúng các quy định mới đối với HĐQT của công ty niêm yết. Với mong muốn đó, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ thông qua chủ trương tăng số lượng HĐQT lên 7 thành viên và được bầu bổ sung ngay trong kỳ họp ĐHĐCĐ 2018.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tín nhiệm lựa chọn và ủng hộ HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX
Tên viết tắt	PLC
Giấy CNĐKDN số	0101463614
Vốn điều lệ	807.988.390.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988.390.000 đồng
Địa chỉ:	Tầng 18 & 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	(024) 38513205
Fax:	(024) 38513207
Website	http://www.plc.petrokimex.com.vn
Mã chứng khoán	PLC
Niêm yết cổ phiếu tại	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ngày bắt đầu niêm yết	27/12/2006
Số lượng CP niêm yết	80.798.839 cổ phần

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực sản phẩm dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

Địa bàn kinh doanh:

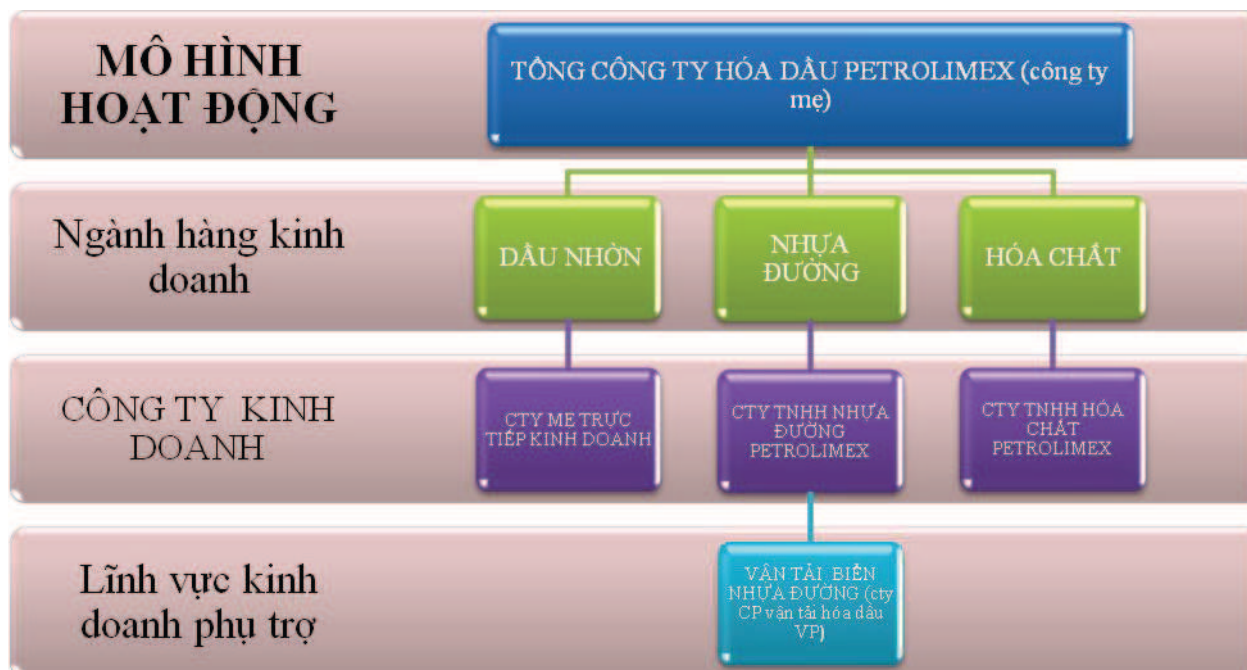
- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc;
- Các nước trong khu vực như Hong Kong, Đài Loan, Trung quốc, Lào, Campuchia...

3. Quá trình hình thành và phát triển

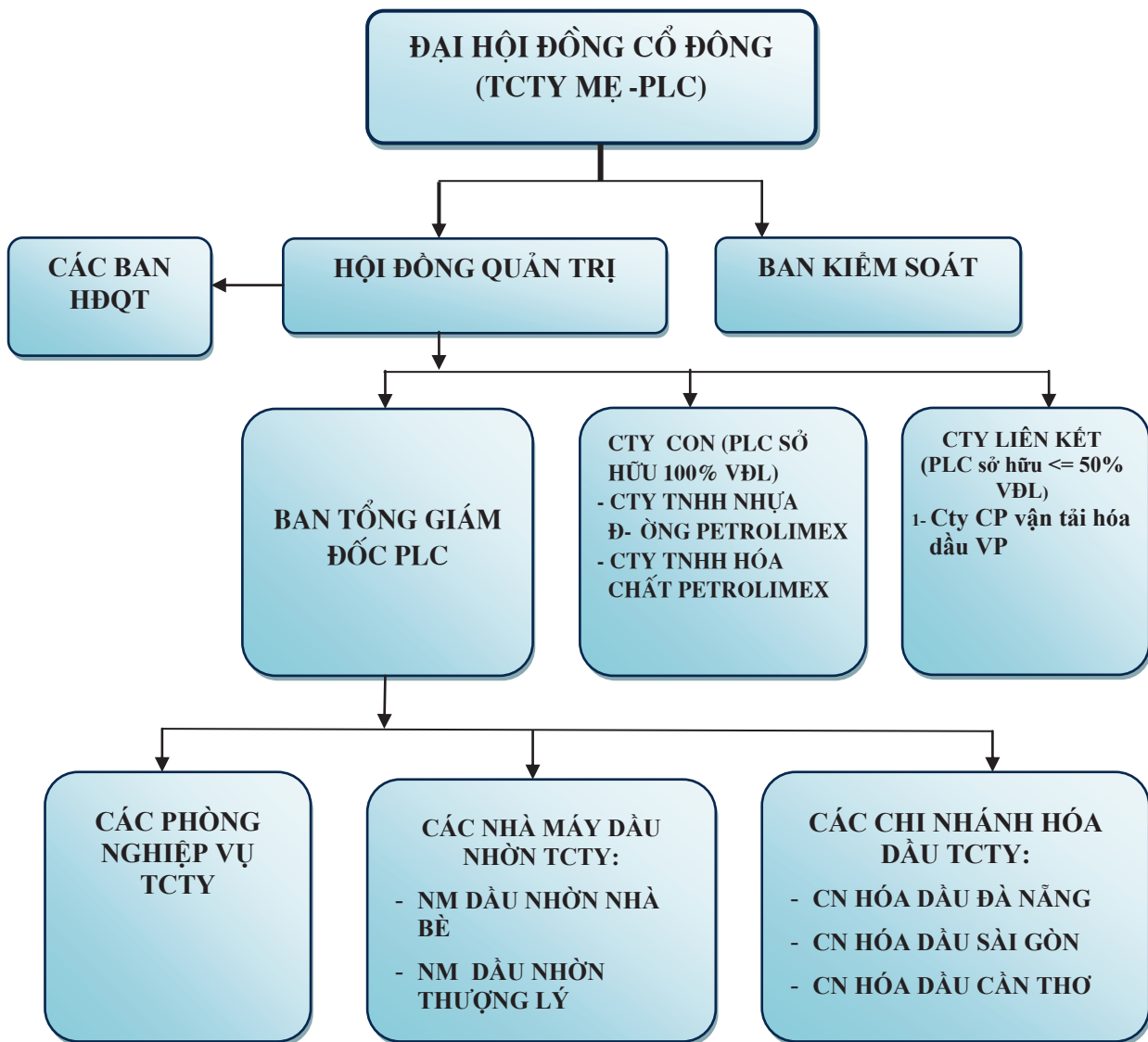
Tháng 04/2013	• Đổi tên thành Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tháng 3/2008	• Góp vốn thành lập Công ty CP vận tải hóa dầu VP
Tháng 2/2007	• Góp vốn thành lập Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810
Tháng 12/2006	• Niêm yết cổ phiếu PLC trên HNX
Tháng 03/2006	• Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
Tháng 12/2005	• Thành lập Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex
Tháng 03/2004	• Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối
Tháng 10/1998	• Đổi tên thành Công ty Hóa Dầu trực thuộc Petrolimex
Tháng 06/1994	• Thành lập Công ty Dầu nhờn trực thuộc Petrolimex

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị



Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết :

4.3.1. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

- Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 330 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính : Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường; Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

4.3.2. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

- Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 180 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dung môi, hóa

chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp. Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp : vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

4.3.3. Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP

- Địa chỉ: phòng 703 tầng 7, tòa nhà Central Tower, 43 Quang Trung, q Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Vốn điều lệ: 150,76 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 43,78% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: Vận tải các sản phẩm hóa dầu; mua bán tàu; đầu tư tài chính;
- Công ty đã hoàn thành việc đầu tư, đóng mới 02 tàu biển chuyên dụng vận tải nhựa đường nóng, trọng tải mỗi tàu là 3.000 DWT và đưa vào khai thác có hiệu quả;

5. Định hướng phát triển

Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Petrolimex. Là một trong những doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất.

Sau khi tái cấu trúc, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, Tổng công ty đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty. Chính vì vậy, khi gặp những biến động trên thị trường, Tổng công ty vẫn vững vàng vượt qua thử thách. Định hướng phát triển của Tổng công ty là tập trung củng cố vị thế ở thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế. Định hướng này được cụ thể hóa bằng các mục tiêu:

- Phát triển bền vững trên 3 ngành hàng chính là dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất; Tiếp tục ổn định và phát triển thị trường dầu nhờn trong và thị trường ngoài nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex.
- Tiếp tục mở rộng thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường ngoài nước;
- Chú trọng công tác nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hóa các nhóm sản phẩm, đặc biệt là nhóm sản phẩm có chất lượng cao và hiệu quả bền vững;
- Tiếp tục đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để duy trì lợi thế kinh doanh trên cả 3 ngành hàng chính;
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các Cổ đông đầu tư vào Tổng công ty;
- Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

6. Các rủi ro

Các sản phẩm, dịch vụ Tổng công ty kinh doanh đang phải cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại do các hãng nước ngoài sản xuất mang thương hiệu toàn cầu. Tuy nhiên, nhãn hiệu hàng hóa Petrolimex của Tổng công ty là thương hiệu mạnh quốc gia, có uy tín và được người tiêu dùng bình chọn trên thị trường Việt Nam. Hưởng ứng cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam hiện nay, Tổng công ty luôn xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ thị phần và khẳng định vị thế của Petrolimex trên thị trường.

Rủi ro về kinh tế:

PLC là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu, trong khi xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng chưa cao trong cơ cấu bán hàng của PLC. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước cũng như những biến động về nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới. Biến động về tỷ giá giữa nội tệ với ngoại tệ (mà chủ yếu là USD) sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào. Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay năm 2017 ổn định.

Thị trường đầu ra chủ yếu của Tổng công ty là nội địa, với hầu hết khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, vận tải và hạ tầng giao thông. Do vậy, các chính sách vĩ mô của nhà nước nhằm kiềm chế lạm phát hay kích thích tăng trưởng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.

Trong năm 2017, kinh tế vĩ mô tương đối ổn định. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, thấp hơn mục tiêu kế hoạch đề ra. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, cao hơn mức tăng 7,06% của năm 2016, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm. Lạm phát được kiểm soát; thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực; mặt bằng lãi suất, tỷ giá ổn định. CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53 % so với năm 2016.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro về biến động giá dầu mỏ: Các sản phẩm kinh doanh của PLC đều là các chế phẩm từ dầu mỏ, là nguồn nguyên liệu đang dần cạn kiệt và bị điều tiết về giá cả và sản lượng bởi tổ chức OPEC. Các chế phẩm dầu mỏ mà PLC kinh doanh là dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất... đều chưa sản xuất được trong nước, nhưng không phải là hàng hóa bảo hộ của nhà nước, do vậy, sự biến động khó lường về giá dầu mỏ trong năm và phụ thuộc nguồn cung ở nước ngoài đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, nhưng đầu ra lại không thể thay đổi giá nhanh như đầu vào do bị sức ép về mặt bằng giá bán trên thị trường của khách hàng, đối thủ cạnh tranh.

Rủi ro về cạnh tranh: Trừ ngành hàng dầu nhờn có thị trường, thị phần tương đối ổn định, các sản phẩm kinh doanh khác của PLC hầu hết đều là nguyên liệu đầu vào của các ngành công nghiệp khác, do vậy khách hàng chủ yếu là các hộ công nghiệp. Đối với các ngành hàng này, áp lực cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm là rất lớn, đặc biệt trong những thời kỳ sản xuất kém phát triển, đầu tư hạ tầng giao thông ít. Việc cạnh tranh này có thể dẫn đến rủi ro về giá bán, làm doanh nghiệp không bù đắp được chi phí, thậm chí là thua lỗ.

Rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng như hỏa hoạn, động đất, chiến tranh... cũng có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của ngành hàng cũng như của Tổng công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ kinh doanh hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ) đến Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 là một năm thực sự khó khăn đối với PLC, đặc biệt là đối với ngành hàng nhựa đường, kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty Hóa dầu giảm sút mạnh so với năm 2016. Tổng sản lượng đạt 99,1% so với năm 2016 và 92,67% so với KH; Tổng doanh thu đạt 105% so với năm 2016 và đạt 87,46% so với KH; Lợi nhuận sau thuế đạt 83,68% so với 2016 và đạt 71,42% so với KH; Lợi nhuận chủ yếu vẫn do ngành hàng dầu nhờn mang lại.

Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty trong năm 2017 so với 2016 là biến động về giá. Trong khi sản lượng giảm (99,1% so cùng kỳ), doanh thu tăng 5,03% so cùng kỳ (105,03%) do giá bán tăng, nhưng tốc độ tăng của giá bán ít hơn tốc độ tăng của giá vốn (Giá vốn 106,52% so cùng kỳ) dẫn đến tỷ lệ lãi gộp/doanh thu đạt 15,5% thấp hơn so với năm 2016 (16,7%).

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2017 của PLC:

Đơn vị tính: Tỉn,m3/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So thực hiện năm 2017 với	
					Năm 2016	KH 2017
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	344.064	367.941	340.970	99,10%	92,67%
2	Tổng doanh thu thuần	4.804.729	5.770.302	5.046.459	105,03%	87,46%
*	Giá vốn	4.002.778	4.807.771	4.263.628	106,52%	88,68%
*	Lãi gộp /Doanh thu	16,7%	16,7%	15,5%	92,94%	93,00%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	256.653	300.006	215.077	83,80%	71,69%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	204.824	240.005	171.401	83,68%	71,42%
*	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	4,26%	4,16%	3,40%	79,73%	81,66%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	16,18%	17,57%	12,87%	79,54%	73,23%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	25,35%	29,70%	21,21%	83,68%	71,42%
7	Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	20%	100%	100%

2. Tổ chức và nhân sự

Năm 2017 không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

Danh sách Ban Điều hành hiện nay của Tổng công ty :



Ông Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc
Ủy viên HĐQT Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân TCKT, Cử nhân Chính trị.

Sinh năm 1960.

Có hơn 34 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý kỹ thuật xăng dầu, dầu mỡ nhờn, các sản phẩm hóa dầu khác và quản lý doanh nghiệp. Các đơn vị đã từng làm quản lý là: Xưởng lọc dầu, Xí nghiệp sản xuất mỡ nhờn và tái sinh, Tổng kho xăng dầu Đức Giang (Công ty Xăng dầu Khu vực I) và Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP.

Vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,1879%



Ông Lê Quang Tuấn
Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ.

Sinh năm 1974

Có hơn 22 năm kinh nghiệm làm việc tại Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP trong công tác quản lý kỹ thuật dầu mỡ nhờn và các sản phẩm hóa dầu khác; quản lý công tác kinh doanh dầu mỡ nhờn và công tác quản lý doanh nghiệp. Đã trải qua và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực công tác: dịch vụ kỹ thuật, kinh doanh dầu mỡ nhờn, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, sản xuất dầu mỡ nhờn, quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và công tác công nghệ thông tin.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0084%



Ông Ngô Đức Giang
Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Tài chính Kế toán.

Sinh năm 1965.

Có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và quản lý doanh nghiệp; trong đó, có gần 28 năm làm việc trong ngành xăng dầu, dầu mỡ nhờn và các sản phẩm hóa dầu.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0625%



Bà Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng Tổng công ty

Cử nhân Kế toán Thương mại, cử nhân Luật.

Sinh năm 1978

Có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và tại Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0233%

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

- Số lượng lao động có mặt đến ngày 31/12/2017 là 716 người. Tổng công ty chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp;
- Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao, góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty;
- Mục tiêu trả lương khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách cho người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Năm 2017, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường; không đầu tư ra ngoài ngành hàng kinh doanh chính. Tổng giá trị đầu tư năm 2017 hoàn thành ở mức 258,091 tỷ đồng, đạt 70,2% Tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; Trong đó: Các hạng mục đầu tư mới đạt 69,5% kế hoạch; các hạng mục sửa chữa lớn đạt 75,3% kế hoạch được duyệt.

Đơn vị : triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN 2017	TH/KH NĂM 2017 (%)
	TỔNG CỘNG	367.562	258.091	70,2%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	320.595	222.744	69,5%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	46.967	35.347	75,3%
C	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	0	0	0

Kết quả đầu tư này một phần là do các công ty còn gặp nhiều khó khăn trong SXKD nên khi triển khai một số dự án lớn chưa tập trung hết nguồn lực, đôi chỗ còn ưu tiên công tác kinh doanh và cũng xem xét giãn tiến độ dự án để phù hợp hơn với tình hình kinh doanh

mới; phần lớn các hạng mục triển khai đầu tư trong năm 2017 thuộc các dự án đã được phê duyệt đầu tư trong năm 2016. Bên cạnh đó, cũng còn một vài dự án chưa triển khai đúng kế hoạch do gặp khó khăn trong việc hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng với cơ quan quản lý địa phương...nên kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 chưa đạt được như kế hoạch kỳ vọng.

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (đơn vị tính triệu đồng)	2016	2017	So sánh
Doanh thu thuần	4.804.729	5.046.459	105,0%
Giá vốn hàng bán	4.002.778	4.263.628	106,5%
Lợi nhuận gộp	801.952	782.831	97,6%
Chi phí bán hàng	409.255	446.045	109,0%
Chi phí quản lý	106.986	91.679	85,7%
Lợi nhuận khác	17.841	2.219	12,4%
EBIT	334.003	279.193	83,6%
Chi phí khấu hao	102.259	92.796	90,7%
EBITDA	436.262	371.989	85,3%
Chi phí tài chính ròng	77.350	60.269	77,9%
Lợi nhuận trước thuế	256.653	215.077	83,8%
Thuế TNDN	51.829	43.676	84,3%
Lợi nhuận sau thuế	204.824	171.401	83,7%
Tài sản ngắn hạn	2.556.268	2.983.179	116,7%
Tài sản dài hạn	814.708	897.559	110,2%
Tổng tài sản	3.370.976	3.880.738	115,1%
Tổng nợ phải trả	2.019.622	2.537.403	125,6%
Vốn chủ sở hữu	1.351.354	1.343.694	99,4%
Chỉ số tài chính			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	16,69%	15,51%	92,9%
Tỷ suất EBITDA	9,03%	6,81%	75,4%
Tỷ suất EBIT	6,08%	4,42%	72,7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	4,26%	3,40%	79,7%
Tăng trưởng doanh thu thuần	-30,53%	5,03%	-16,5%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-37,44%	-16,32%	43,6%
Chỉ số thanh toán hiện thời (lần)	1,29	1,21	93,8%
Chỉ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,92	0,89	96,7%
Nợ vay trên tổng tài sản	37,20%	40,60%	109,1%
Nợ vay trên vốn chủ sở hữu	0,92	1,17	127,2%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE)	16,18%	12,87%	79,5%
Thu nhập trên Tổng tài sản (ROA)	6,23%	4,61%	73,9%
EPS	2.535	2.121	83,47%

(VCSH và VDL để tính ROE và ROA xác định là bình quân cuối 4 quý chia cho 4 quý; các chỉ tiêu TSNH, TSDH, TTS, VCSH, Tổng nợ phải trả tính tại thời điểm 31/12/2017)

Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	2014	2015	2016	2017
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,00%	4,80%	4,26%	3,40%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	23,10%	26,60%	16,18%	12,87%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,30%	8,50%	6,23%	4,61%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	5,00%	6,10%	5,95%	4,86%

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tổng công ty năm 2017 thấp hơn các năm trước đây chủ yếu do:

- Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ngành hàng Nhựa đường, do nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng vẫn còn rất khó khăn, Chính phủ chưa có vốn đối ứng, nên các công trình đầu tư giao thông gần như ngừng trệ, trong năm các dự án chậm triển khai và nguồn vốn ngân sách giải ngân chậm, giá dầu thế giới luôn ở mức thấp, nên việc bán hàng gặp nhiều khó khăn. Doanh thu tăng (105,0%) nhưng lãi gộp giảm (lãi gộp 97,6% giảm 2,4% so cùng kỳ) do giá vốn cũng tăng nhưng tốc độ tăng của giá vốn cao hơn tốc độ tăng của doanh thu dẫn đến lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 171,4 tỷ đồng giảm 16,3% so với cùng kỳ.
- Vốn chủ sở hữu bình quân giảm 0,6% so với cùng kỳ (99,4%), lợi nhuận sau thuế giảm 17,3% (83,7%) nên ROE giảm so với cùng kỳ.

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 cho thấy Tổng công ty luôn duy trì được khả năng thanh toán ở mức an toàn.

Khả năng thanh toán	2014	2015	2016	2017
Khả năng thanh toán hiện thời	1,19	1,14	1,29	1,21
Khả năng thanh toán nhanh	0,78	0,83	0,92	0,89

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu lưu hành: 80.798.839 cổ phiếu, 100% tự do chuyển nhượng.

Trong đó: - Cổ phiếu quỹ: 1.273 cổ phần
- Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: 80.797.566 cổ phần
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017 là 16.630 đồng/cổ phần.

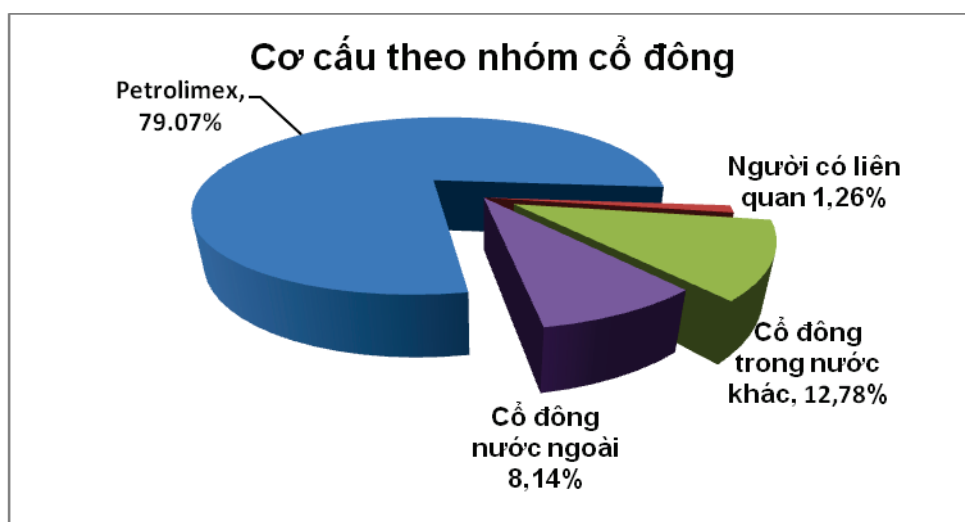
Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 là 2.121 đồng/cổ phần.

Cơ cấu cổ đông chốt ngày 20/3/2018

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp/ VDL	Tổng giá trị theo mệnh giá (VNĐ)
	Tổng số	80,798,839	100.00%	807,988,390,000
1	Cổ đông chi phối Petrolimex	63,889,259	79.07%	638,892,590,000
2	Các Cổ đông khác:	16,908,307	20.92%	169,083,070,000
2.1	Cổ đông khác trong nước:	10,326,485	12.78%	103,264,850,000
A	Tổ chức	1,372,974	1.70%	13,729,740,000
B	HDQT, BKS, Ban TGD, KTT PLC và người có liên quan	1,016,500	1.26%	10,165,000,000
C	Cá nhân khác	7,937,011	9.82%	79,370,110,000
2.2	Cổ đông nước ngoài:	6,581,822	8.14%	65,818,220,000
A	Tổ chức	6,505,213	8.05%	65,052,130,000
B	Cá nhân	76,609	0.09%	766,090,000

Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Số cổ phần	% vốn góp	Đối tượng sở hữu
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam - Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	63.889.259	79,07%	Tổ chức trong nước



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2017 : không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác : Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

Quản lý nguồn nguyên vật liệu, năng lượng

- Nguyên vật liệu chính để sản xuất và pha chế dầu mỡ nhờn của Tổng công ty PLC là dầu gốc và phụ gia, đều phải nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất

lượng quốc tế và theo tiêu chuẩn chất lượng do PLC công bố. PLC không sử dụng nguyên liệu tái chế để sản xuất sản phẩm.

- Các sản phẩm bao bì, đóng gói thành phẩm dầu mỡ nhờn của PLC được sản xuất trong nước. Các nhà cung cấp bao bì cho PLC đều đáp ứng các yêu cầu về quản lý môi trường. Để tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường, khi được sự thống nhất của khách hàng, sản phẩm dầu nhờn thông dụng của PLC sẽ được bao gói trong bao bì vỏ phuy thép tái chế. Toàn bộ bao bì vỏ phuy thép tái chế mà PLC sử dụng đều do các nhà cung cấp chuyên nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường và xử lý sản phẩm tái chế. Từ năm 2018, Tổng công ty PLC có chủ trương sử dụng một 100% vỏ phuy thép mới để đóng dầu nhờn. Tổng công ty PLC chỉ đóng gói trong bao bì vỏ phuy tái chế khi có yêu cầu của khách hàng cụ thể thỏa thuận với PLC theo từng đơn hàng.
- PLC có ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ để xử lý các chất thải nguy hại được Nhà nước cấp phép thực hiện.
- Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, là các sản phẩm năng lượng không tái tạo, Tổng công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm nhất nguyên liệu cũng như năng lượng điện và nhiên liệu hóa thạch. Việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc cải tạo và nâng cấp hệ thống sản xuất hiện nay tại các nhà máy, đưa công nghệ mới vào sản xuất và bảo quản hàng hóa, chính là phương pháp mà PLC áp dụng để tiết kiệm nguồn năng lượng hiện đang sử dụng.

Tiêu thụ nước

- Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.
- Khối lượng nước tiêu thụ không đáng kể, chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của khối nhà văn phòng.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Tổng công ty nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Tổng công ty đã phân công và bố trí cán bộ cập nhật và tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.
- Tổng công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện quan trắc, báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo quản lý CTNH định kỳ tại NMDN Thượng Lý, NMDN Nhà Bè, Kho Dầu nhờn Đức Giang.
- Thông qua việc giám sát môi trường, Tổng công ty có thể nhận định: chất lượng môi trường không khí, các thông số vi khí hậu và nước thải tại NMDN Thượng Lý, NMDN Nhà Bè, Kho Dầu nhờn Đức Giang đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Sự quan tâm và ý thức bảo vệ môi trường đã được phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, người lao động của Tổng công ty để thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật.
- Bên cạnh việc đầu tư, phát triển hệ thống và công nghệ xử lý, Tổng công ty tiếp tục tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

- Thông qua các Chương trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, Tổng công ty PLC đã có cơ hội được cập nhật, bổ sung các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, thực hiện nghiêm các qui trình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

Chính sách đối với người lao động

- Lao động có mặt đến ngày 31/12/2017 của toàn Tổng công ty là 716 người với thu nhập bình quân năm 2017 là 13.883 triệu/người/tháng;
- Tổng công ty là đơn vị vừa có sản xuất, vừa kinh doanh sản phẩm có đặc tính chuyên môn kỹ thuật cao, yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng, kỹ thuật chuyên ngành sâu. Do vậy, ngoài những yêu cầu ban đầu về trình độ đối với người lao động, việc đào tạo, tập huấn chuyên môn hàng năm rất được Tổng công ty chú trọng thực hiện. Năm 2017, Tổng công ty đã tổ chức nhiều khóa huấn luyện về sản phẩm, nguyên vật liệu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đại diện bán hàng. Với ý thức của một doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm liên quan đến cháy nổ, các quy trình, quy phạm về an toàn và sản xuất rất được chú trọng trong phổ biến và giám sát thực hiện hàng ngày. Khi các dự án đầu tư, dây chuyền sản xuất mới được trình duyệt cũng là lúc các quy trình an toàn được thiết lập và được hướng dẫn, tập huấn thực hành cho người lao động. Trong năm 2017, 100% người lao động được hướng dẫn và có chứng chỉ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
- Việc Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn lao động trong năm 2017 chính là thành quả ghi nhận trách nhiệm của Tổng công ty đối với người lao động và tài sản của cổ đông.
- Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty;
- Năm 2017, Tổng công ty đã mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ, người lao động của PLC.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Tháng 8/2017, Công đoàn TCT PLC phối hợp với HĐQT TCT phát động CB-NLĐ TCT PLC ủng hộ nhân dân các tỉnh Yên Bái, Sơn La bị ảnh hưởng bởi lũ quét, số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra HĐQT trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi tập trung 100.000.000 đồng, tổng cộng 200.000.000 đồng.
- Tháng 11/2017, Công đoàn TCT PLC phối hợp với HĐQT TCT phát động CB-NLĐ TCT PLC ủng hộ nhân dân các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa bị thiệt hại do ảnh hưởng của cơn bão số 12, số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra HĐQT trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi tập trung 100.000.000 đồng, tổng cộng 200.000.000 đồng.
- Ngoài ra, Công đoàn TCT PLC cũng phối hợp với Chính quyền tham gia ủng hộ 100 triệu đồng cùng Công ty Xăng dầu Lao Cai tặng quà cho các cháu học sinh dân tộc

vùng cao huyện Văn Bàn và huyện Si Ma Cai - tỉnh Lào Cai nhân dịp khai giảng năm học mới 2017 – 2018

- Hưởng ứng đợt phát động Ngày hội hiến máu tình nguyện do BCH Đoàn khối Doanh nghiệp Trung Ương và Đoàn Thanh niên Tập đoàn XD Việt Nam tổ chức, ngày 26/10/2017, đông đảo Đoàn viên Công đoàn và Đoàn viên Đoàn thanh niên TCT Hóa dầu Petrolimex đã nhiệt tình hưởng ứng và tham gia hiến máu tình nguyện.
- Công đoàn và Đoàn Thanh niên đã định kỳ tổ chức cho các cháu là con CB-NLĐ VP TCT PLC vào các dịp 1/6 và tết trung thu. Đây là hoạt động thường xuyên hàng năm của PLC nhằm giúp các con của CB-NLĐ giao lưu, thắt chặt mối quan hệ giữa các gia đình trong TCT PLC.
- Từ ngày 08/3/1996 đến nay, TCT duy trì phụng dưỡng suốt đời 01 Bà Mẹ VNAH tại Quảng Nam là mẹ Trần Thị Xuân, ngoài ra còn thường xuyên tặng quà, thăm hỏi Mẹ VNAH nhân các dịp lễ Tết.
- Phong trào đền ơn đáp nghĩa, xã hội, từ thiện và các phong trào khác theo đặc thù của đơn vị được thực hiện một cách có ý nghĩa. Ngoài các mức huy động ủng hộ đối với từng cá nhân, Công đoàn CSTV và các công đoàn bộ phận trực thuộc trích lập Quỹ xã hội từ thiện của Tập đoàn, Quỹ xã hội từ thiện đơn vị theo quy định. Ủng hộ công tác từ thiện tại các địa phương; hỗ trợ, đóng góp cho nhiều trường học trong và ngoài Tổng công ty có hoàn cảnh khó khăn... do Công đoàn và chính quyền phát động.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngành hàng Dầu mỡ Nhờn (DMN): Tình hình giá dầu thô thế giới liên tục biến động gây khó khăn trong việc dự báo giá nguyên liệu đầu vào. Tình hình thời tiết không thuận lợi, việc sản xuất và kinh doanh của các ngành kinh tế lớn như than, khoáng sản, thép, xi măng, mía đường, xây dựng công trình giao thông... gặp nhiều khó khăn nên nhu cầu mua và sử dụng DMN tại các đơn vị này giảm sút đã làm ảnh hưởng đến nhu cầu chung về DMN. Kinh doanh DMN của Tổng công tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ các công ty lớn như Castrol BP, Total, Shell, Caltex, Nippon Oil, Idemitsu,... Các công ty này đã và đang tăng cường khuyến mại, hỗ trợ bán hàng tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp đối với hệ thống phân phối DMN của Tổng công ty.

Ngành hàng Nhựa đường: Nguồn vốn của các dự án giao thông phần lớn dựa vào vốn ODA, ngân sách nhà nước, xã hội hóa như BT, BOT... Các dự án này phụ thuộc nhiều vào kế hoạch, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn. Năm 2017 giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chậm (chỉ đạt 36% dự toán, cùng kỳ 2016 bằng 42% dự toán). Một số dự án có kế hoạch triển khai từ năm 2017 - 2019 nhưng đa số mới đang ở giai đoạn làm nền và dự kiến từ năm 2018 mới có nhu cầu nhựa đường. Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt, một số nhà cung cấp nhựa đường đã triển khai xây

dụng kho bể với công suất lớn ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Chân Mây, Đình Vũ - Hải Phòng...

Ngành hàng Hóa chất: Trong hầu hết thời gian của năm 2017 giá dung môi, hóa chất biến động khó lường đã khiến công tác đánh giá, nhận định thị trường gặp rất nhiều khó khăn. Tổng cầu toàn ngành chưa cao. Mặc dù vẫn nằm trong top dẫn đầu ngành nhưng Công ty luôn gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ với tiềm lực tài chính lớn hoặc được hỗ trợ từ công ty mẹ ở nước ngoài.... Tuy nhiên, cùng với sự nỗ lực chung, trong năm 2017 lĩnh vực kinh doanh hóa chất đã có sự tăng trưởng về sản lượng bán, hoàn thành KH lợi nhuận, đây là những kết quả rất đáng khích lệ.

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2017

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Dầu mỡ nhờn	Nhựa đường	Hóa chất	Tổng cộng (đã loại trừ nội bộ)
Doanh thu bán hàng	1.413.329	1.627.686	2.011.785	5.046.459
Chi phí kinh doanh	1.221.932	1.614.243	1.971.519	4.801.352
- Giá vốn hàng bán	970.076	1.419.196	1.880.587	4.263.628
- Chi phí bán hàng	207.327	164.182	74.536	446.045
- Chi phí quản lý DN	44.528	30.865	16.397	91.679
Kết quả kinh doanh	191.398	13.443	40.266	245.107
DT hoạt động tài chính	3.762	21.055	8.336	31.867
CP hoạt động tài chính	6.580	23.524	34.218	60.269
Lãi/(Lỗ) trong Cty liên kết				-3.848
Lợi nhuận khác	190	935	1.094	2.219
Kết quả từ hoạt động khác	-2.628	-1.533	-24.788	-30.030
Lợi nhuận trước thuế	188.769	11.910	15.478	215.077
Thuế TNDN	38.051	2.522	3.103	43.676
Lợi nhuận sau thuế	150.718	9.388	12.375	171.401

Năm 2017 là một năm thực sự khó khăn đối với Tổng công ty trong cả 3 ngành hàng, đặc biệt là ngành hàng DMN và Nhựa đường. Nhiều chỉ tiêu không đạt Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 giao, như các chỉ tiêu: Sản lượng, Lợi nhuận, Tỷ suất LNST/VCSH...

Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty trong năm 2017 là sự cạnh tranh trong lĩnh vực DMN và sự sụt giảm nhu cầu trong lĩnh vực nhựa đường làm cho sản lượng không đạt được kế hoạch đề ra và tỷ lệ lãi gộp không đạt được như kỳ vọng.

2. Tình hình tài chính

Trong năm 2017, Tổng công ty chưa thực hiện việc chia cổ tức 20% cho cổ đông hiện hữu. Năm 2016 Tổng công ty đã thực hiện việc chia cổ tức 20% cho cổ đông hiện hữu.

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đ	3.370.976	3.880.738	15%
Doanh thu thuần	Triệu đ	4.804.729	5.046.459	5%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	Triệu đ	285.710	245.107	-14%
Lợi nhuận khác	Triệu đ	7.294	2.219	-70%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	256.653	215.077	-16%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đ	204.824	171.401	-16%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	20%	20%	0%

Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2017 đạt 3.880 tỷ đồng, tăng 509,7 tỷ, tương đương tăng 15% so với năm 2016. Trong đó tăng tài sản ngắn hạn 426 tỷ đồng, chủ yếu là tăng các khoản phải thu và tăng hàng tồn kho (các khoản phải thu tăng 375 tỷ và hàng tồn kho tăng hơn 43 tỷ). Sở dĩ như vậy là do cuối kỳ số dư công nợ bán hàng tăng, hàng tồn kho tăng do dự trữ để cho chu kỳ tăng trưởng tiếp theo của ngành hàng nhựa đường, mặt khác giá nhập vào thời điểm cuối năm tăng. Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2017 đạt 1.343 tỷ đồng, giảm hơn 8 tỷ đồng, tương ứng giảm 0,6% so với năm 2016. Trong đó, lợi nhuận thực hiện năm 2017 làm tăng VCSH 171 tỷ, trong năm Tổng công ty chưa tạm ứng cổ tức năm 2017.

Cơ cấu tài sản và các hệ số về tài sản đều tốt và đảm bảo an toàn như hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1, tỷ suất tự tài trợ TSCĐ lớn hơn 1.

Chỉ số tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2017 có giảm so với 2016 chủ yếu do sự sụt giảm của ngành hàng Dầu mỡ nhờn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,6	0,63	0,69	0,72	0,60	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,17	1,52	1,67	2,25	2,57	1,49	1,89
Hệ số Nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	1,46	1,08	1,02	1,04	2,21	0,93	1,18

Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2017 là 2.537 tỷ đồng tăng hơn 517 tỷ tương ứng tăng 25% so với cùng kỳ. Trong đó chủ yếu tăng nợ vay ngắn hạn ngân hàng gần 323 tỷ đồng và tăng phải trả nhà cung cấp 198 tỷ. Nguyên nhân là do trong năm giá hàng nhập đầu vào tăng, doanh thu tăng nên nhu cầu vay vốn cũng tăng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý - điều hành

- Tiếp tục thực hiện đề án Tái cấu trúc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;
- Sửa đổi, bổ sung, ban hành lại nhiều quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật;
- Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức của Tổng công ty theo hướng chuyên sâu;
- Chuẩn bị triển khai phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp, đồng thời ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC;
- Tăng cường điều hành tài chính hiệu quả giữa các đơn vị trong Tổng công ty.

3.2. Các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động

- Tăng cường quản lý, giám sát để tiết giảm chi phí, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến từ khâu nhập khẩu, sản xuất, vận tải, bán hàng;
- Nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp thông qua việc ban hành các Quy chế quản lý nội bộ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Tổng công ty.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban nhằm kiểm soát tốt các diễn biến của thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể;
- Tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực chuyên ngành, không đầu tư vào các ngành nghề mà Tổng công ty không phải là thế mạnh.

4. Kế hoạch phát triển

Bước sang năm 2018, theo dự báo của Opec và Hiệp hội kinh doanh xăng dầu Việt Nam, khả năng giá dầu thế giới sẽ ổn định và dao động quanh mức 60-70 USD/thùng, giá dầu có thể tăng vào nửa đầu năm và ổn định về cuối năm. Năm 2018 theo dự báo của ngân hàng Standard Chartered cũng khá tương đồng với mục tiêu mà Chính phủ đặt ra đối với nền kinh tế nước ta, đó là tăng trưởng kinh tế sẽ đạt khoảng 6,8%, tăng trưởng xuất khẩu đạt từ 6-7%. Mặt khác, một số dự án đầu tư công đã được phê duyệt và bắt đầu khởi công và được giải ngân trong năm 2017-2018. Như vậy dự báo kinh tế Việt nam năm 2018 có thể tăng trưởng tốt hơn năm 2017. Tuy vậy Standard Chartered cũng cảnh báo lạm phát có thể cao hơn 2017, tỷ giá có thể tăng từ 1% đến 1,5% trong năm 2018.

Kinh tế thế giới năm 2018 được nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, thị trường chứng khoán trên thế giới và những tác động của tình hình bất ổn tại một số khu vực... Ở trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát sẽ tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Những nỗ lực của Chính phủ trong việc thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2018, cụ thể như sau:

Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2018:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KH 2018/TH 2017
1	Sản lượng	Tấn; m3	340.970	359.280	105%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.046.459	5.530.871	110%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	215.077	236.814	110%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	171.401	189.452	111%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	12,87%	14,04%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	21,21%	23,45%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	Tối thiểu 80% LNST	

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, Tổng công ty duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Năm 2018, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tổng giá trị đầu tư năm 2017 hoàn thành ở mức 258,091 tỷ đồng, đạt 70,2% Tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; Trong đó: Các hạng mục đầu tư mới đạt 69,5% kế hoạch; các hạng mục sửa chữa lớn đạt 75,3% kế hoạch được duyệt. Kế hoạch đầu tư, thực hiện các dự án năm 2018 như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA TOÀN BỘ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ NĂM 2018	% KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NĂM 2018/ TỔNG MỨC ĐT CỦA TOÀN BỘ D.A/CÔNG TRÌNH
	TỔNG CỘNG	676.269	394.753	58,4%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	599.827	350.244	58,4%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	76.442	44.509	58,2%

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2018, Tổng công ty và hai Công ty TNHH trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các công trình và hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm .

5. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2018

- Hoàn thiện và đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án Tái cấu trúc Tổng công ty; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống thông tin mới trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...

6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

7. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

Đánh giá các chỉ tiêu môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi thực hiện dự án xây dựng và trong quá trình vận hành các Nhà máy dầu nhờn, Tổng công ty đều lập báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM và lập kế hoạch BVMT:

- *NMDN Thương Lý:* đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được lập và hoàn thành vào tháng 11 năm 1998 đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt. Với các hạng mục đầu tư mới, báo cáo ĐTM đã được UBND TP Hải Phòng phê duyệt tại quyết định số: 617/QĐ-UBND ngày 15/04/2016.
- *NMDN Nhà Bè:* Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè” lập tháng 12 năm 2012, được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh phê duyệt tại quyết định số:1540/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 21/12/2012.
- *Kho Dầu nhờn Đức Giang:* Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “Kho Dầu nhờn Đức Giang” lập tháng 12 năm 2008, được Ủy ban nhân dân Quận Long Biên phê duyệt tại văn bản số: 02/GXN-UBND ngày 08/01/2009.

Quản lý Nước thải:

- Khối lượng nước thải trung bình của các kho, nhà máy của Tổng công ty: 18,8 m³/ngày đêm. Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất. Lượng nước

phát sinh từ các Kho, Nhà máy chủ yếu là nước mưa chảy tràn bề mặt và nước sinh hoạt của khối nhà văn phòng.

- Nước thải được thu gom vào rãnh thoát nước của Nhà máy, được xử lý qua các bể lắng gạn, sau đó đi vào hệ thống thoát nước của các Tổng kho xăng dầu trực thuộc Petrolimex trước khi chảy ra môi trường.

Quản lý Chất thải rắn (CTR):

- Khối lượng chất thải sinh hoạt trung bình tại Kho, Nhà máy của Tổng công ty là 305 kg/tháng;
- Chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tại các Kho, Nhà máy sẽ chuyển giao cho các công ty môi trường thu gom, xử lý, như Công ty TNHH môi trường Đô thị Hải Phòng; Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Công ích Huyện Nhà Bè và Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm.

Quản lý Chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất dầu mỡ nhờn. Các loại chất thải này được thu gom, phân loại, lưu giữ và quản lý tại Kho chứa chất thải nguy hại (Kho CTNH tại NMDN Thượng Lý diện tích 290m², tại NMDN Nhà Bè diện tích 230m², tại Kho Dầu nhờn Đức Giang 10m²). Mỗi Kho, Nhà máy đều có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh/thành phố nơi nhà Kho/Nhà máy đặt trụ sở cấp. Khối lượng phát sinh thực tế theo các chứng từ CTNH được báo cáo định kỳ 06 tháng/lần đến Sở TNMT TP Hà Nội, TP Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh.
- Tổng công ty PLC ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với Công ty TNHH Tân Thuận Phong; Công ty CP Hòa Anh; Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Ngọc Tân Kiên; Công ty Việt Úc; HTX Thương mại & Dịch vụ Phúc Lợi và Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 10 - URENCO 10 là các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH.

Đánh giá các vấn đề liên quan đến người lao động

- Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch tuyển dụng, lao động, cho người lao động thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động, đảm bảo quyền lợi của người lao động đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Năm 2018, không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra. Quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo những cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động. Người lao động đều muốn gắn bó, làm việc lâu dài tại Tổng công ty.

Đánh giá trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Tổng công ty và các tổ chức đoàn thể của PLC nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Thực hiện nghiêm túc việc vận động đóng góp về Quỹ từ thiện xã hội chung của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Thực hiện đúng

các chi phí cho công tác từ thiện theo quy định tài chính; Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLĐ cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ nghĩa tình đồng đội...

- Phong trào đền ơn đáp nghĩa, xã hội, từ thiện và các phong trào khác theo đặc thù của đơn vị được thực hiện một cách có ý nghĩa. Ngoài các mức huy động ủng hộ đối với từng cá nhân, Công đoàn CSTV và công đoàn bộ phận trực thuộc trích lập Quỹ xã hội từ thiện của Tập đoàn, Quỹ xã hội từ thiện đơn vị theo quy định. Ủng hộ công tác từ thiện địa phương trú đóng; hỗ trợ, đóng góp cho nhiều đối tượng trong và ngoài Tổng công ty có hoàn cảnh khó khăn ...do Công đoàn và chính quyền phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Trong bối cảnh đầu tư công, đặc biệt là các công trình giao thông trọng điểm quốc gia có nhu cầu cao nhưng chưa giải ngân được, đã khiến ngành hàng nhựa đường gặp rất nhiều khó khăn, không giữ được đà tăng trưởng như vài năm trước.

Năm 2017 thị trường dầu nhờn hàng hải khu vực bị cạnh tranh khốc liệt với ưu thế thuộc về những quốc gia cung cấp dầu gốc cho khu vực cùng với các chính sách bảo hộ kinh doanh của chuỗi cung ứng nội địa, đã làm PLC mất lợi thế cung cấp dầu nhờn hàng hải cho các thành viên khác trong chuỗi cung ứng dầu nhờn hàng hải quốc tế Lubmarine. PLC với những ưu thế đặc thù về hệ thống liên kết dọc tập đoàn giữa các thành viên Petrolimex nên kết quả kinh doanh vẫn đạt được ở mức khả quan so với đối thủ trong cùng ngành hàng. Trong những khó khăn mà ngành hàng nhựa đường và dầu nhờn gặp phải, thì ngành hàng hóa chất đang tiếp tục khởi sắc, khi tham gia vào thị trường hóa chất quốc tế, tái kinh doanh một số sản phẩm mà nhu cầu trong nước đang ấm lên.

Trong ba mảng hoạt động chính, sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn vẫn tiếp tục là ngành hàng đóng góp chính về lợi nhuận trong những năm vừa qua. Ngành hàng nhựa đường khẳng định vị trí số 1 tại Việt Nam cả về thị phần, năng lực cung cấp cũng như chất lượng và chủng loại sản phẩm. Ngành hàng hóa chất dần khẳng định vị trí của Petrolimex trên thị trường thương mại hóa chất khu vực.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2017 đã thể hiện trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị trong công tác quản lý, từ đó đưa ra những nhận định kế hoạch kinh doanh kịp thời, sát với thực tế, đồng thời tổ chức chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao một cách khoa học, nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Tổng công ty cũng như các cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong hơn 23 năm xây dựng và trưởng thành, Ban điều hành Tổng công ty là những người được chọn lựa từ hơn 700 cán bộ, người lao động của Tổng công ty, làm việc khẩn cấp, quyết liệt và cẩn trọng. Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra.

Năm 2017, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã quyết liệt trong mọi mặt hoạt động, tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các kho, nhà máy, các chi nhánh, cũng như trong các phương án đầu tư... Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, hạn chế hao hụt, sai lỗi trong sản xuất đã được chú trọng thông qua việc cải tiến, đổi mới quy trình quản lý sản xuất đã được Ban điều hành thực hiện đem lại hiệu quả rõ nét trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất.

Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực làm việc, nhiệt huyết và đã có những quyết định linh hoạt, kịp thời để giữ vững hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi cho Tổng công ty, đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo đời sống cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Theo các dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam và những biến động trong các lĩnh vực chuyên doanh của PLC, đồng thời đánh giá vị thế của PLC trên thị trường, HĐQT đã thống nhất phương hướng mục tiêu chiến lược cho PLC trong giai đoạn tiếp theo:

- Đối với lĩnh vực dầu nhờn: Tiếp tục ổn định và phát triển thị trường dầu nhờn trong và ngoài nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex. Khai thác có hiệu quả các cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư mới và mở rộng để tăng sản lượng kinh doanh đối với ngành hàng dầu nhờn.
- Đối với lĩnh vực nhựa đường: hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật đồng thời đầu tư theo chiều sâu nhằm nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm mới có hiệu quả cao, song song với việc tổ chức chuỗi dịch vụ cung ứng phù hợp với các dòng sản phẩm mới. Mục tiêu nhựa đường Petrolimex sớm trở thành nhà sản xuất và cung ứng nhựa đường tại thị trường Việt Nam, từng bước vươn ra thị trường khu vực.
- Đối với lĩnh vực hóa chất: Tập trung đầu tư cơ sở vật chất hợp lý, tạo lợi thế cạnh tranh cho ngành hàng hóa chất, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh doanh trong trung hạn.
- Cam kết chia cổ tức bằng tiền hàng năm không thấp hơn 80% lợi nhuận sau thuế. Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.500 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.
- Phát hành Cổ phiếu tăng Vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu bổ xung Vốn đầu tư và Vốn kinh doanh theo định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty trong giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục quá trình tái cấu trúc tổ chức và quản trị doanh nghiệp để PLC thực sự hoạt động theo mô hình Tổng công ty.

- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Với năm 2018, điều kiện kinh tế Việt Nam có tín hiệu khả quan, tuy nhiên các ngành hàng kinh doanh của PLC đang mất dần lợi thế cạnh tranh, khi các đối tác kinh doanh thời kỳ trước đang trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp trên thị trường. Nhu cầu đầu tư công vào các công trình hạ tầng giao thông cao, nhưng trong năm 2018 Nhà nước chưa thu xếp được vốn để giải ngân các dự án. Chính vì thế, ngoài việc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật của cả 3 ngành hàng để đón đầu làn sóng tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới, thì năm 2018, PLC xác định mục tiêu giữ vững hiệu quả kinh doanh với các giải pháp:

Vấn đề thứ nhất - Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, trọng tâm vào:

Rà soát, sửa đổi, ban hành Quy chế tài chính các Công ty con, Quy chế quản lý công nợ từ Tổng công ty đến các đơn vị, nâng cao hiệu quả việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản; Giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng tài sản, kiểm soát các định mức về tồn kho, công nợ...gắn với kết quả SXKD từng đơn vị.

Tổng hợp đánh giá hiệu quả đầu tư CSVCKT đã thực hiện, định lượng lại toàn bộ nguồn lực CSVCKT hiện tại; Lập đề án quy hoạch tổng thể trung và dài hạn, đặc biệt là nghiên cứu quy hoạch mạng lưới bán hàng, mạng lưới kho, nhà máy cho từng ngành hàng gắn với việc tổ chức thị trường, tổ chức mạng lưới vận tải một cách khoa học, tiết giảm và quản lý chặt chẽ chi phí thông qua các định mức kinh tế-kỹ thuật.

Nghiên cứu xây dựng và ban hành Quy chế tập trung nguồn vốn đầu tư CSVCKT, đảm bảo cân đối theo các chương trình mục tiêu phát triển chung cũng như từng đơn vị, tăng cường vai trò chỉ đạo, quản lý, hỗ trợ của Tổng công ty đối với các dự án đầu tư phát triển CSVCKT.

Vấn đề thứ hai - Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chi phí, trọng tâm vào:

Đẩy mạnh việc rà soát, xây dựng các định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức chi phí quản lý; kiểm soát chặt chẽ chi phí cố định, chi phí biến đổi cho từng lĩnh vực, từng giai đoạn từ nhập khẩu, sản xuất đến tiêu thụ hàng hóa. Có những giải pháp cụ thể tiết giảm chi phí tuyệt đối ngay từ khâu xây dựng kế hoạch đến thực tế quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các chi phí chiếm tỷ trọng lớn như: tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ bán hàng, dịch vụ mua ngoài, vận tải...

Từng bước nghiên cứu xây dựng một hệ thống quản lý, hỗ trợ tập trung về tài chính nhằm gia tăng hiệu quả dòng tiền trong toàn hệ thống và tăng cường được khả năng hỗ trợ giữa các đơn vị.

Giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho. Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.

Huy động vốn trên thị trường bằng phát hành cổ phiếu ra công chúng để giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông chi phối.

Vấn đề thứ ba - Phát triển thị trường, trọng tâm vào:

Ngành hàng dầu nhờn: Khai thác hiệu quả hơn nữa thị trường, khách hàng đang có, thông qua hợp tác chặt chẽ sâu rộng với kênh bán hàng chủ lực là các thành viên trong Tập đoàn Petrolimex, xác lập lại hệ thống khách hàng công nghiệp và quan tâm hơn đến kênh bán hàng dầu mỡ nhờn. Triển khai các cơ hội kinh doanh ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Ngành hàng nhựa đường: Tăng cường kinh doanh các sản phẩm mới, mang tính dẫn dắt thị trường, đồng bộ giữa việc cung cấp sản phẩm với hệ thống dịch vụ phụ trợ bán hàng. Triển khai các cơ hội kinh doanh ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Ngành hàng hóa chất: tìm hiểu cơ hội và phát triển kinh doanh các sản phẩm mới ngoài các dòng sản phẩm hóa chất gốc dầu truyền thống.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị



Ông Phạm Bá Nhuận
Chủ tịch HĐQT PLC chuyên trách
Sinh năm 1960
Cử nhân Kinh tế lao động.
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0001 %



Ông Nguyễn Văn Đức
UV HĐQT PLC
Tổng giám đốc PLC
Sinh năm 1960
Thạc sỹ QTKD,
Kỹ sư Hóa dầu,
Cử nhân TCKT, Cử
nhân chính trị
Sở hữu 0,1879%



Ông Vũ Văn Chiến
UV HĐQT PLC
CT kiêm GD Cty
TNHH Nhựa đường
Petrolimex;
Sinh năm 1961
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân TCKT
Sở hữu 0.4764%



Ông Hà Thanh Tuấn
UV HĐQT
CT kiêm GD Cty
TNHH Hóa Chất
Petrolimex
Sinh năm 1963
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân TCKT
Sở hữu 0,1186%



Ông Nguyễn Văn Khánh
UV HĐQT - Không
điều hành- Phụ trách
lĩnh vực đầu tư.
CT HĐQT Cty VP
Sinh năm 1960
Kỹ sư máy hóa
Sở hữu 0,003%

Với 5 thành viên, trong đó, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, giúp HĐQT hoạt động theo đúng Điều lệ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận - Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách chung, phụ trách công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
- 2- Ông Nguyễn Văn Khánh - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác đầu tư, công nghệ, phát triển.
- 3- Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc, phụ trách lĩnh vực kinh doanh đầu mỡ nhờn.
- 4- Ông Vũ Văn Chiến - Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh nhựa đường.
- 5- Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh hóa chất.

Trong năm 2017, HĐQT đã triệu tập 9 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 9 lần để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2017 đính kèm). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2017, từ đó kiến nghị xây dựng lại kế hoạch 2017 và đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Hỗ trợ/huy động vốn hiệu quả nhất giữa các Công ty và nguồn vốn bên ngoài phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển của PLC.
- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, xây dựng kế hoạch năm 2018 trình ĐHCĐ phê duyệt.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế công bố thông tin, Quy định về chế độ thông tin, báo cáo Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và một số quy chế quản trị nội bộ khác đã được ban hành mới, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật.
- Chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

2. Ban kiểm soát

Năm 2017 Ban kiểm soát PLC có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm. Từ tháng 11/2017 có sự thay đổi, một thành viên chuyên trách nghỉ chế độ hưu trí. Đến cuối 2017, Ban kiểm soát PLC chỉ còn 2 thành viên kiêm nhiệm.



Bà Trần Thị Minh Hà
 Trưởng BKS - chuyên trách đến
 hết T10/2017
 Sinh năm 1962
 Thạc sỹ QTKD,
 Cử nhân Tài chính kế toán
 Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0332%



Ông Hoàng Văn Thành
 Thành viên BKS
 Sinh năm 1962
 Cử nhân Kinh tế lao động
 Tỷ lệ sở hữu CP PLC:
 0,0000%



Ông Tống Văn Hải
 Thành viên BKS
 Trưởng BKS từ T11/2017
 Sinh năm 1980
 Thạc sỹ QTKD,
 Cử nhân Tài chính Ngân hàng
 Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0062%

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của BKS, năm 2017, BKS đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch kiêm giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể như:

- Tham gia tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng công ty,
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT,
- Tham gia thảo luận, giám sát việc xây dựng Kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn, kế hoạch lao động tiền lương năm 2017...,
- Thông qua kiểm toán độc lập để soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ,
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định quản lý, quản trị công ty,
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của BKS,
- Phối hợp cùng các Ban giúp việc HĐQT, thông qua kiểm soát viên công ty con tiến hành kiểm tra, kiểm soát quy chế, quy định, quy trình quản lý tại Kho Nhựa đường Nhà Bè thuộc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex nhằm nâng cao khả năng quản trị và cảnh báo rủi ro.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...
- Trong năm 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi thông tin thông qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của BKS.

Đánh giá chung: năm 2017, BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao một cách khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế

hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật. Trong điều kiện phạm vi hoạt động rộng, tính chất phức tạp theo đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, BKS nhận thấy công tác kiểm tra giám sát cần được duy trì thường xuyên và thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp từ HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng công ty và Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty con được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2017 là: 1.450.375.048 đồng.
- Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 là 740.570.997 đồng.
- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Vũ Văn Chiến	TV HĐQT	339950	0.4207%	359950	0.4455%	Mua 20000 CP vào T6/2017
2	Vũ Văn Chiến	TV HĐQT	359950	0.4455%	384950	0.4764%	Mua 25000 CP vào T7/2017

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp, Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ, Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác, Quy chế hoạt động của HĐQT đã được hoàn thiện, bổ sung sửa đổi phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật.

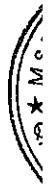
- Chỉ đạo ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(đính kèm)*



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

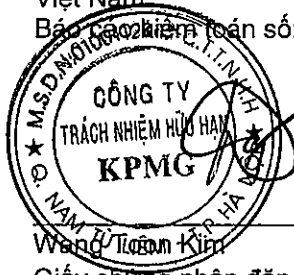
Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-155-KT-HN



Wang Tien Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 - DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.983.178.841.054	2.556.268.617.270
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	564.861.713.102	605.917.594.464
Tiền	111		190.861.713.102	183.867.799.464
Các khoản tương đương tiền	112		374.000.000.000	422.049.795.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.851.350.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	43.851.350.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.566.184.002.298	1.191.169.714.476
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.666.222.449.880	1.196.762.078.199
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		73.138.430.615	164.813.568.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.539.810.234	18.725.232.997
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(187.716.688.431)	(189.342.525.522)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	211.360.482
Hàng tồn kho	140	10	776.729.529.665	733.380.600.929
Hàng tồn kho	141		776.729.529.665	733.380.600.929
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.552.245.989	25.800.707.401
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.763.099.218	7.152.230.799
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.525.188.685	15.208.976.765
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	2.263.958.086	3.439.499.837

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		897.559.049.676	814.708.236.499
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.864.872.800	3.825.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.864.872.800	3.825.000.000
Tài sản cố định	220		508.837.657.656	499.883.548.672
Tài sản cố định hữu hình	221	11	506.276.626.033	497.203.650.120
<i>Nguyên giá</i>	222		1.051.657.752.895	956.784.666.451
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(545.381.126.862)	(459.581.016.331)
Tài sản cố định vô hình	227		2.561.031.623	2.679.898.552
<i>Nguyên giá</i>	228		7.879.535.312	7.265.535.312
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.318.503.689)	(4.585.636.760)
Bất động sản đầu tư	230		3.234.686.485	-
<i>Nguyên giá</i>	231	12	3.234.686.485	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		152.870.182.358	80.639.517.992
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	152.870.182.358	80.639.517.992
Đầu tư tài chính dài hạn	250		63.232.641.789	67.080.380.386
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	63.232.641.789	67.080.380.386
Tài sản dài hạn khác	260		165.519.008.588	163.279.789.449
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	165.519.008.588	163.279.789.449
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.880.737.890.730	3.370.976.853.769

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.537.043.216.684	2.019.622.154.131
Nợ ngắn hạn	310		2.462.289.679.528	1.978.198.065.264
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	780.398.616.082	581.884.329.777
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.931.623.376	39.272.546.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	20.716.038.169	20.528.544.581
Phải trả người lao động	314		37.740.047.020	48.368.119.724
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.669.411.851	11.551.069.588
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.010.413.010	17.576.276.698
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.579.304.542.721	1.255.895.802.688
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	8.518.987.299	3.121.375.999
Vay dài hạn	330		74.753.537.156	41.424.088.867
Vay dài hạn	338	20(b)	74.753.537.156	41.424.088.867
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.343.694.674.046	1.351.354.699.638
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.343.694.674.046	1.351.354.699.638
Vốn cổ phần	411	23	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(31.616.582)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	338.290.620.318	298.985.382.014
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	172.969.155.619	219.902.802.933
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.568.289.505	15.079.299.599
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		171.400.866.114	204.823.503.334
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.880.737.890.730	3.370.976.853.769

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

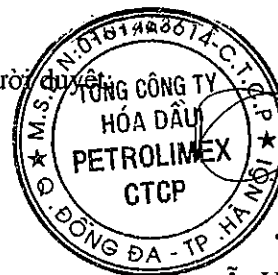


Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
				Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng	01	27	5.049.088.496.895	4.804.729.340.377
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2.629.541.925	-
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	27	5.046.458.954.970	4.804.729.340.377
Giá vốn hàng bán	11	28	4.263.628.331.642	3.943.091.774.651
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		782.830.623.328	861.637.565.726
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	31.867.413.787	30.451.799.413
Chi phí tài chính	22	30	60.268.695.295	77.350.158.678
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		54.202.198.384	50.240.922.679
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	24		(3.847.738.597)	10.546.573.303
Chi phí bán hàng	25	31	446.045.201.873	468.941.084.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	91.678.692.836	106.986.032.605
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		212.857.708.514	249.358.662.683
Thu nhập khác	31		4.348.537.806	10.627.949.154
Chi phí khác	32		2.129.202.299	3.333.673.675
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.219.335.507	7.294.275.479
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		215.077.044.021	256.652.938.162
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	43.676.177.907	51.829.434.828
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		171.400.866.114	204.823.503.334
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.121	2.535

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người lập:




Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	215.077.044.021	256.652.938.162
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	92.796.367.154	102.259.726.074
Các khoản dự phòng	03	(1.625.837.091)	(3.998.448.562)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(655.556.412)	14.093.129.891
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.007.892.141)	(31.434.073.200)
Chi phí lãi vay	06	54.202.198.384	50.240.922.679
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	342.786.323.915	387.814.195.044
Biến động các khoản phải thu	09	(382.150.163.455)	(104.600.142.224)
Biến động hàng tồn kho	10	(43.348.928.736)	207.968.778.397
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	162.114.381.402	289.031.880.856
Biến động chi phí trả trước	12	(2.215.661.663)	(11.133.828.789)
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.202.198.384)	(46.966.833.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.582.557.215)	(81.799.580.034)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.036.531.824)	(11.155.762.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.635.335.960)	629.158.707.420
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(180.090.380.607)	(129.790.499.609)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.049.790.000	1.443.060.453
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(43.851.350.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	4.513.704.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	19.105.294.700	20.104.376.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(203.786.645.907)	(103.729.358.785)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

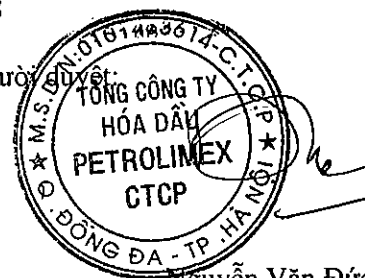
	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	3.599.755.301.078	3.276.065.976.789
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.244.693.834.831)	(4.528.643.719.917)
Tiền trả cổ tức	36	(160.649.989.175)	(2.123.859.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	194.411.477.072	(1.254.701.602.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(41.010.504.795)	(729.272.253.543)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	605.917.594.464	1.335.175.091.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(45.376.567)	14.756.380
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 61) (Thuyết minh 5)	70	564.861.713.102	605.917.594.464

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viênPhương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 2 công ty con (01/01/2017: 2 công ty con) như sau:

			31/12/2017 và 01/01/2017
	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2017: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty và các công ty con có 716 nhân viên (01/01/2017: 717 nhân viên), trong đó tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP có 342 nhân viên (01/01/2017: 350 nhân viên), Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có 262 nhân viên (01/01/2017: 260 nhân viên) và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có 112 nhân viên (01/01/2017: 107 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

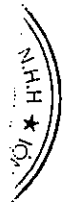
(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mípec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.406.988.067.491	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	-	5.046.458.954.970
Doanh thu giữa các bộ phận	6.341.401.281	-	-	(6.341.401.281)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.413.329.468.772	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	(6.341.401.281)	5.046.458.954.970
Giá vốn hàng bán	970.186.512.898	1.419.196.345.372	1.880.586.874.653	(6.341.401.281)	4.263.628.331.642
Chi phí bán hàng	207.327.403.802	164.181.847.490	74.535.950.581	-	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.417.609.735	30.864.505.880	16.396.577.221	-	91.678.692.836
Kết quả kinh doanh của bộ phận	191.397.942.337	13.443.196.654	40.265.589.628	-	245.106.728.619
Doanh thu hoạt động tài chính	11.928.610.810	21.041.504.949	8.336.305.996	(9.439.007.968)	31.867.413.787
Chi phí tài chính	6.579.818.469	23.509.775.190	34.218.429.820	(4.039.328.184)	60.268.695.295
Phản lãi trong công ty liên kết	(3.847.738.597)	-	-	-	(3.847.738.597)
Thu nhập khác	2.316.712.706	937.350.412	1.094.474.688	-	4.348.537.806
Chi phí khác	2.127.123.521	2.078.778	-	-	2.129.202.299
Kết quả từ các hoạt động khác	1.690.642.929	(1.532.998.607)	(24.787.649.136)	(5.399.679.784)	(30.029.684.598)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.088.585.266	11.910.198.047	15.477.940.492	(5.399.679.784)	215.077.044.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.050.622.484	2.522.459.161	3.103.096.262	-	43.676.177.907
Lợi nhuận thuần sau thuế	155.037.962.782	9.387.738.886	12.374.844.230	(5.399.679.784)	171.400.866.114

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Dầu mỡ nhờn VND (Phân loại lại)	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.624.529.525.227	1.337.617.552.028	1.842.582.263.122	-	4.804.729.340.377
Doanh thu giữa các bộ phận	6.844.594.971	-	-	(6.844.594.971)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.631.374.120.198	1.337.617.552.028	1.842.582.263.122	(6.844.594.971)	4.804.729.340.377
Giá vốn hàng bán	1.093.197.146.749	1.137.940.427.367	1.718.798.795.506	(6.844.594.971)	3.943.091.774.651
Chi phí bán hàng	260.970.078.443	137.434.518.672	70.536.487.361	-	468.941.084.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.265.218.401	46.931.325.136	11.789.489.068	-	106.986.032.605
Kết quả kinh doanh của bộ phận	228.941.676.605	15.311.280.853	41.457.491.187	-	285.710.448.645
Doanh thu hoạt động tài chính	22.960.515.286	20.775.038.945	5.673.478.601	(18.957.233.419)	30.451.799.413
Chi phí tài chính	(3.230.547.237)	33.876.352.566	39.187.333.740	7.517.019.609	77.350.158.678
Phần lãi trong công ty liên kết	10.546.573.303	-	-	-	10.546.573.303
Thu nhập khác	3.557.636.198	6.933.667.704	136.645.252	-	10.627.949.154
Chi phí khác	3.303.515.529	25.150.206	5.007.940	-	3.333.673.675
Kết quả từ các hoạt động khác	36.991.756.495	(6.192.796.123)	(33.382.217.827)	(26.474.253.028)	(29.057.510.483)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.933.433.100	9.118.484.730	8.075.273.360	(26.474.253.028)	256.652.938.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.093.468.181	2.119.911.974	1.616.054.673	-	51.829.434.828
Lợi nhuận thuần sau thuế	217.839.964.919	6.998.572.756	6.459.218.687	(26.474.253.028)	204.823.503.334

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.025.131.306	498.834.550.055	18.002.031.741	-	564.861.713.102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	43.851.350.000	-	-	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	169.264.363.304	425.020.892.767	988.558.576.869	(16.659.830.642)	1.566.184.002.298
Hàng tồn kho	386.331.877.338	236.673.735.276	153.723.917.051	-	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	971.245.649	23.672.975.110	6.908.025.230	-	31.552.245.989
Các khoản phải thu dài hạn	32.876.000.000	3.864.872.800	-	(32.876.000.000)	3.864.872.800
Tài sản cố định	176.470.710.764	232.236.312.374	100.130.634.518	-	508.837.657.656
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	48.552.347.941	53.116.945.547	51.200.888.870	-	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	573.232.641.789	-	-	(510.000.000.000)	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	69.619.248.166	24.006.509.062	71.893.251.360	-	165.519.008.588
Tổng tài sản	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	194.107.945.092	1.195.787.510.858	1.098.554.054.220	(26.159.830.642)	2.462.289.679.528
Nợ dài hạn	-	-	98.129.537.156	(23.376.000.000)	74.753.537.156
Vốn chủ sở hữu	1.314.470.307.650	345.490.632.133	193.733.734.263	(510.000.000.000)	1.343.694.674.046
Tổng nguồn vốn	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Chi tiêu vốn	59.158.842.680	73.545.146.667	47.386.391.260	-	180.090.380.607
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	53.469.276.941	24.907.664.959	11.720.045.532	-	90.096.987.432
Khấu hao tài sản cố định vô hình	506.764.800	226.102.129	-	-	732.866.929

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

	Dầu mỏ nhờn VND	Nhuja đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.712.417.389	415.958.497.547	144.246.679.528	-	605.917.594.464
Các khoản phải thu ngắn hạn	194.647.446.673	368.469.534.268	644.527.540.733	(16.474.807.198)	1.191.169.714.476
Hàng tồn kho	430.815.821.850	96.107.928.378	206.456.850.701	-	733.380.600.929
Tài sản ngắn hạn khác	5.465.573.216	9.287.528.975	11.047.605.210	-	25.800.707.401
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	-	-	3.825.000.000
Tài sản cố định	179.456.443.692	208.300.422.568	112.126.682.412	-	499.883.548.672
Tài sản dở dang dài hạn	43.618.500.559	29.342.413.333	7.678.604.100	-	80.639.517.992
Đầu tư tài chính dài hạn	576.000.000.000	-	-	(508.919.619.614)	67.080.380.386
Tài sản dài hạn khác	62.539.480.015	27.266.344.091	73.473.965.343	-	163.279.789.449
Tổng tài sản	1.538.255.683.394	1.158.557.669.160	1.199.557.928.027	(525.394.426.812)	3.370.976.853.769
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	212.873.980.551	810.909.323.921	970.889.567.990	(16.474.807.198)	1.978.198.065.264
Nợ dài hạn	-	-	41.424.088.867	-	41.424.088.867
Vốn chủ sở hữu	1.325.381.702.843	347.648.345.239	187.244.271.170	(508.919.619.614)	1.351.354.699.638
Tổng nguồn vốn	1.538.255.683.394	1.158.557.669.160	1.199.557.928.027	(525.394.426.812)	3.370.976.853.769
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Chi tiêu vốn	61.675.123.930	50.702.875.791	17.412.499.888	-	129.790.499.609
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	63.823.847.614	24.529.177.261	11.343.437.193	-	99.696.462.068
Khấu hao tài sản cố định vô hình	418.305.421	191.559.996	-	-	609.865.417

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	5.235.443.344	2.874.871.359
Tiền gửi ngân hàng	185.626.269.758	180.992.928.105
Các khoản tương đương tiền	374.000.000.000	422.049.795.000
	<hr/>	<hr/>
	564.861.713.102	605.917.594.464

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND và USD có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 5%-6% một năm.

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	57.940.108.349	74.570.633.049
Các bên khác		
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	148.963.621.050	66.305.725.867
▪ Công ty TNHH TM&DV Hà Anh Phát	121.818.513.269	9.797.971.642
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	89.100.917.476	47.677.913.542
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	72.340.208.538	68.731.244.395
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	71.906.423.299	69.301.268.313
▪ Công ty TNHH TM&DV Nam Song Anh	71.155.037.016	61.096.651.021
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	38.135.426.300	38.135.426.300
▪ Công ty Xây dựng 123 – Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 – CTCP	10.428.627.000	30.766.116.715
▪ Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	127.751	41.468.975.598
▪ Các khách hàng khác	984.433.439.832	688.910.151.757
	1.666.222.449.880	1.196.762.078.199

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	8.191.834.346	9.898.771.003
Lãi tiền gửi dự thu	1.559.318.259	858.772.221
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	2.662.958.910
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.788.657.629	5.304.730.863
	14.539.810.234	18.725.232.997

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2017	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Dưới 6 tháng	199.267.583.947	-	199.267.583.947
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30.363.605.937	(6.090.093.808)	24.273.512.129
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.374.316.774	(1.567.077.118)	3.807.239.656
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	69.579.568.976	(29.923.662.657)	39.655.906.319
▪ Từ 3 năm trở lên	152.510.374.082	(150.135.854.848)	2.374.519.234
	457.095.449.716	(187.716.688.431)	269.378.761.285

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (187.716.688.431)

01/01/2017	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Dưới 6 tháng	295.368.510.175	-	295.368.510.175
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.210.103.271	(1.327.064.269)	12.883.039.002
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	42.547.045.903	(15.636.293.828)	26.910.752.075
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	77.237.056.309	(46.797.425.313)	30.439.630.996
▪ Từ 3 năm trở lên	135.829.469.324	(125.581.742.112)	10.247.727.212
	565.192.184.982	(189.342.525.522)	375.849.659.460

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (189.342.525.522)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	109.412.083.244	-	38.983.444.448	-
Nguyên vật liệu	239.854.363.389	-	319.672.588.128	-
Công cụ và dụng cụ	11.986.450.786	-	11.663.314.283	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.202.092.098	-	23.915.504.901	-
Thành phẩm	189.191.154.428	-	209.801.299.237	-
Hàng hóa	199.083.385.720	-	129.344.449.932	-
	776.729.529.665	-	733.380.600.929	-

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	488.817.691.038	297.609.633.086	150.263.896.174	20.093.446.153	956.784.666.451
Tăng trong năm	702.194.635	15.392.162.344	7.006.103.505	2.582.644.546	25.683.105.030
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	42.351.177.845	20.935.813.855	12.321.712.910	1.714.051.285	77.322.755.895
Thanh lý	-	-	(4.214.816.861)	(82.060.040)	(4.296.876.901)
Phân loại lại	(1.690.658.305)	-	1.407.773.258	282.885.047	-
Biến động khác	(3.835.897.580)	-	-	-	(3.835.897.580)
Số dư cuối năm	526.344.507.633	333.937.609.285	166.784.668.986	24.590.966.991	1.051.657.752.895
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	191.643.059.067	154.430.932.193	97.544.416.095	15.962.608.976	459.581.016.331
Khấu hao trong năm	36.750.150.969	36.155.961.778	15.256.780.861	1.934.093.824	90.096.987.432
Thanh lý	-	-	(4.214.816.861)	(82.060.040)	(4.296.876.901)
Phân loại lại	(1.518.808.673)	-	1.247.849.771	270.958.902	-
Số dư cuối năm	226.874.401.363	190.586.893.971	109.834.229.866	18.085.601.662	545.381.126.862
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	297.174.631.971	143.178.700.893	52.719.480.079	4.130.837.177	497.203.650.120
Số dư cuối năm	299.470.106.270	143.350.715.314	56.950.439.120	6.505.365.329	506.276.626.033

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 224.465 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2017: 188.983 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	-

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là mảnh đất tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này chưa được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	80.639.517.992	181.756.099.118
Tăng trong năm	154.407.275.577	90.231.977.656
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(77.322.755.895)	(139.788.250.144)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(600.938.688)	(49.562.451.450)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(614.000.000)	(1.535.650.914)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.234.686.485)	-
Giảm khác	(404.230.143)	(462.206.274)
Số dư cuối năm	152.870.182.358	80.639.517.992

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	17.680.399.573	13.121.874.398
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	15.860.607.248	11.292.216.363
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	7.310.267.889	8.310.850.082
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Dự án xây dựng nhà Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	-	3.234.686.485
Các dự án khác	437.200.000	395.000.000
	48.552.347.941	43.618.500.559
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	11.136.335.235	10.901.608.400
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	7.841.265.967	6.020.894.200
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	6.812.403.805	6.003.374.805
Các dự án khác	27.326.940.540	6.416.535.928
	53.116.945.547	29.342.413.333
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho Đình Vũ	50.259.691.598	5.430.757.807
Các dự án khác	941.197.272	2.247.846.293
	51.200.888.870	7.678.604.100
	152.870.182.358	80.639.517.992

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 50.259 triệu VND (2016: Không).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017		Số lượng cổ phiếu	01/01/2017	
		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	43,78%	63.232.641.789	6.600.000	43,78%	67.080.380.386
			<u>63.232.641.789</u>			<u>67.080.380.386</u>

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	67.080.380.386	61.047.511.083
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết Thanh lý	(3.847.738.597)	10.546.573.303
	-	(4.513.704.000)
Số dư cuối năm	<u>63.232.641.789</u>	<u>67.080.380.386</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	65.609.554.610	67.390.789.475	11.661.544.264	6.527.950.436	12.089.950.664	163.279.789.449
Tăng trong năm	-	-	7.088.684.841	12.716.001.307	5.179.395.088	24.984.081.236
Chuyển từ Xây dựng cơ bản dờ dang	-	-	211.686.795	-	389.251.893	600.938.688
Phân bổ trong năm	(1.402.509.202)	(564.003.591)	(5.698.355.077)	(7.245.726.331)	(8.435.206.584)	(23.345.800.785)
Phân loại lại	-	-	(4.999.507.706)	-	4.999.507.706	-
Số dư cuối năm	64.207.045.408	66.826.785.884	8.264.053.117	11.998.225.412	14.222.898.767	165.519.008.588

(*) Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 49.907 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 20(b)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	409.710.045.201	332.991.898.465
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	9.013.900.868	4.395.898.573
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	1.662.025.979	3.867.100.611
	<hr/>	
	420.385.972.048	341.254.897.649
Các bên khác		
▪ Fortrec Chemicals And Petroleum Pte., Ltd	66.814.874.984	-
▪ Hanwa Co., Ltd	61.986.339.643	-
▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát	27.828.738.747	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd	50.163.949.037	-
▪ SK Networks Co., Ltd	-	51.522.338.590
▪ Petronas Chemical Marketing	1.047.794.944	49.335.022.109
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	21.101.032.594	20.271.230.090
▪ Elf Lubrifiant Paris	4.513.253.849	14.717.936.150
▪ Exxon Mobil Asia Ltd.	10.586.737.586	6.641.827.500
▪ Các nhà cung cấp khác	115.969.922.650	98.141.077.689
	<hr/>	
	360.012.644.034	240.629.432.128
	<hr/>	
	780.398.616.082	581.884.329.777
	<hr/>	

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	6.912.230.045	1.019.751.178.020	(375.132.926.660)	(643.578.390.533)	1.695.254	7.953.786.126	
Thuế nhập khẩu	111.824.978	-	18.063.152.563	(18.047.133.102)	-	95.805.517	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.162.829.859	9.510.782.132	43.719.293.193	(42.582.557.215)	-	1.998.683.098	9.483.371.349	
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.081.599.928	28.539.717.187	(29.296.067.641)	-	-	2.325.249.474	
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.023.932.476	6.653.288.234	(6.776.374.515)	-	2.929.217	903.775.412	
Thuế khác	164.845.000	-	2.778.469.690	(2.728.613.882)	-	164.845.000	49.855.808	
	3.439.499.837	20.528.544.581	1.119.505.098.887	(474.563.673.015)	(643.578.390.533)	2.263.958.086	20.716.038.169	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	2.946.264.663	4.331.419.668
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	723.147.188	1.775.034.667
Chi phí vận chuyển	-	505.898.643
Chi phí sửa chữa Kho hóa chất Nhà Bè	-	4.870.246.243
Các khoản trích trước khác	-	68.470.367
	<hr/>	<hr/>
	3.669.411.851	11.551.069.588
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả cổ tức	1.335.214.725	1.259.645.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.848.440.516	2.436.939.527
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	826.757.769	5.879.691.571
	<hr/>	<hr/>
	13.010.413.010	17.576.276.698
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm
Vay ngắn hạn	1.255.895.802.688	1.255.895.802.688	3.568.256.957.078	(3.244.693.834.831)
			(154.382.214)	1.579.304.542.721
				1.579.304.542.721

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2017		01/01/2017	
			VND	VND	VND	VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2 - 5,5	727.795.392.857	475.002.687.366		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,3	4.958.203.853	64.225.527.618		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2	32.269.060.024	-		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5 - 5,2	6.355.911.544	55.627.780.064		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2 - 3,3	15.602.309.573	170.775.457.403		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	1,8 - 5,35	144.013.377.712	20.571.189.383		
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,2 - 4,9	187.012.979.342	93.102.854.790		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	4,2 - 5,5	-	75.337.401.234		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	1,7 - 3	81.158.077.301	258.231.909.693		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,2 - 5,3	29.006.207.739	-		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,5	4.161.151.500	7.253.085.276		
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,9 - 2,3	68.133.659.787	35.767.909.861		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	USD	2,3	104.662.053.513	-		
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	VND	5	61.358.204.045	-		
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	USD	2,45	112.817.953.931	-		
			1.579.304.542.721	1.255.895.802.688		

(*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	01/01/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	41.424.088.867	41.424.088.867	33.329.448.289	-	74.753.537.156	74.753.537.156

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Khoản vay 1	VND	8,5	2025	27.750.000.000	27.750.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5	2025	10.400.000.000	10.400.000.000
Khoản vay 3 (*)	VND	8,6	2025	1.558.356.945	1.558.356.945
Khoản vay 4 (*)	VND	8,5	2025	1.715.731.922	1.715.731.922
Khoản vay 5	VND	8,5	2025	4.321.621.000	-
Khoản vay 6 (*)	VND	8,5	2025	1.831.104.289	-
Khoản vay 7	VND	8,5	2025	6.297.900.000	-
Khoản vay 8	VND	8,5	2025	2.520.945.700	-
Khoản vay 9	VND	8,5	2025	10.646.677.300	-
Khoản vay 10	VND	10,1	2025	7.711.200.000	-
				74.753.537.156	41.424.088.867

Vay dài hạn là các khoản vay của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex được nhận từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, có thời hạn 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho Dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản được hình thành trong tương lai bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 49.907 triệu VND (Thuyết minh 15) và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho Dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

(*) Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4), chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 của các khoản vay 1, 2, 3, 4, 5 được chuyển thành khoản vay dài hạn mới (khoản vay 6).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.121.375.999	(2.729.592.945)
Trích lập trong năm	17.391.028.243	17.006.730.962
Sử dụng trong năm	(11.993.416.943)	(11.155.762.018)
Số dư cuối năm	8.518.987.299	3.121.375.999

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2016	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	232.943.693.904	20.463.604.691	98.127.727.936	1.163.537.936.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	204.823.503.334	204.823.503.334
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.006.730.962)	(17.006.730.962)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	(3.168.901.421)	-	3.168.892.156	(9.265)
Số dư ngày 01/01/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	171.400.866.114	171.400.866.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.391.028.243)	(17.391.028.243)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	39.305.238.304	-	(39.305.238.304)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(31.616.582)	-	-	-	(31.616.582)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(43.114.881)	(43.114.881)
Số dư ngày 31/12/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	172.969.155.619	1.343.694.674.046

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã chia cổ tức 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 (2016: Không).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	154.604.789.547	37.061.448.006

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	562.098	12.736.355.010	327.884	7.443.668.553
Euro ("EUR")	245	6.966.781	478	12.198.088
		<u>12.743.321.791</u>		<u>7.455.866.641</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đã được duyệt	135.220.000.000	152.567.000.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
Bán dầu mỡ nhờn	1.371.676.877.855	1.607.233.915.270
Bán nhựa đường	1.630.315.437.321	1.337.617.552.028
Bán hóa chất, dung môi	1.983.575.044.729	1.828.374.023.122
Bán hàng hóa khác	41.917.080.280	17.295.609.957
Thu nhập từ kinh doanh chênh lệch giá hóa chất	21.604.056.710	14.208.240.000
	<hr/>	<hr/>
	5.049.088.496.895	4.804.729.340.377
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.629.541.925)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	5.046.458.954.970	4.804.729.340.377

28. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND (Đã phân loại lại)
Giá vốn dầu mỡ nhờn	930.008.733.745	1.072.313.441.984
Giá vốn nhựa đường	1.419.196.345.372	1.151.437.218.745
Giá vốn hóa chất, dung môi	1.880.267.806.740	1.718.798.795.506
Giá vốn hàng hóa khác	34.155.445.785	16.168.315.654
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(15.625.997.238)
	<hr/>	<hr/>
	4.263.628.331.642	3.943.091.774.651

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	19.805.840.738	18.913.546.530
Lợi nhuận được chia	-	531.024.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.899.696.361	8.277.907.488
Lãi hàng bán trả chậm	3.988.805.889	2.729.321.395
Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.070.799	-
	<hr/> 31.867.413.787	<hr/> 30.451.799.413 <hr/>

30. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	54.202.198.384	50.240.922.679
Chiết khấu thanh toán	2.329.525.306	1.195.812.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.736.971.605	25.131.894.833
Chi phí tài chính khác	-	781.529.166
	<hr/> 60.268.695.295	<hr/> 77.350.158.678 <hr/>

31. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND (Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	75.303.488.351	72.924.458.897
Chi phí vận chuyển	95.207.292.932	91.936.379.438
Chi phí hỗ trợ bán hàng	71.690.263.334	85.446.147.713
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	55.120.289.008	82.398.969.817
Chi phí sửa chữa	9.772.189.368	7.356.364.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.276.905.111	20.780.790.908
Chi phí bán hàng khác	104.674.773.769	108.097.973.540
	<hr/> 446.045.201.873	<hr/> 468.941.084.476 <hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	45.169.150.884	45.807.657.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.779.907.694	3.397.539.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.342.486.889	19.458.639.872
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	26.387.147.369	38.322.195.907
	91.678.692.836	106.986.032.605

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	900.227.069.565	1.107.411.206.672
Chi phí nhân viên	143.497.499.401	142.746.470.552
Chi phí khấu hao và phân bổ	92.796.367.154	102.259.726.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.054.459.459	144.159.638.261
Chi phí khác	245.447.000.524	234.815.019.979

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	215.077.044.021	256.652.938.162
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	43.015.408.804	51.330.587.632
Chi phí không được khấu trừ thuế	444.693.026	690.089.582
Trích bổ sung chi phí thuế TNDN năm trước	-	131.038.491
Thu nhập không bị tính thuế	-	(322.280.877)
Ảnh hưởng do lỗ từ công ty liên kết	216.076.077	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.676.177.907	51.829.434.828

(b) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 171.400.866.114 VND (2016: 204.823.503.334 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân là 80.797.566 cổ phiếu (năm 2016: 80.797.566 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các công ty liên quan		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
▪ Cổ tức	127.778.518.000	-
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	1.034.392.016.023	677.604.594.889
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	1.118.368.868.116	1.220.228.110.603
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	132.779.577.830	104.773.635.749
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	24.172.276.507	42.389.159.624
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
▪ Các khoản vay	161.933.876.670	221.880.509.234
▪ Trả nợ vay	205.772.933.904	584.390.371.909
▪ Lãi vay nhập gốc	1.831.104.289	3.274.088.867
▪ Lãi vay	2.154.885.668	7.510.614.745
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	4.723.998.525	4.246.117.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Số liệu so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

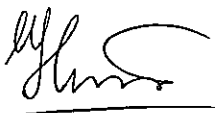
Theo công văn số 213/BTC-CKKT ngày 8 tháng 1 năm 2018 về việc hướng dẫn hạch toán chi phí khuyến mại bằng tiền của Bộ Tài chính, Tổng công ty đã phân loại lại một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để phù hợp với hướng dẫn và đảm bảo tính so sánh của báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND (đã phân loại lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	3.943.091.774.651	4.002.777.581.722
Chi phí bán hàng	468.941.084.476	409.255.277.405

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

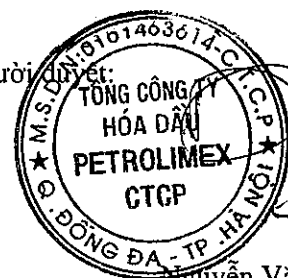


Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc